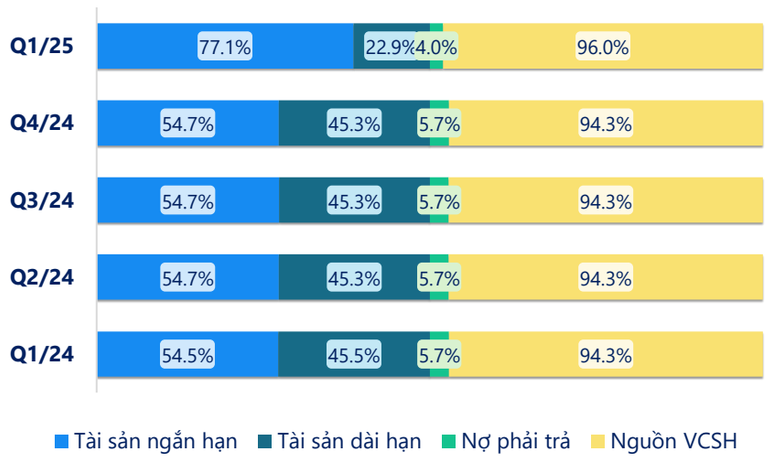
FireAnt

CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	14,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
SL cổ phiếu LH	175,997,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	281,400
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,622
P/E	4781.6
EPS	3

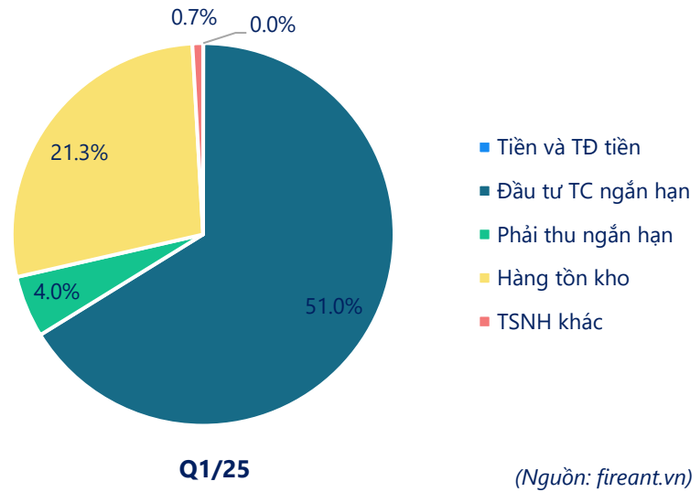
	YTD	1T	3T	6T
PXL	10.4%	-3.2%	10.4%	8.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



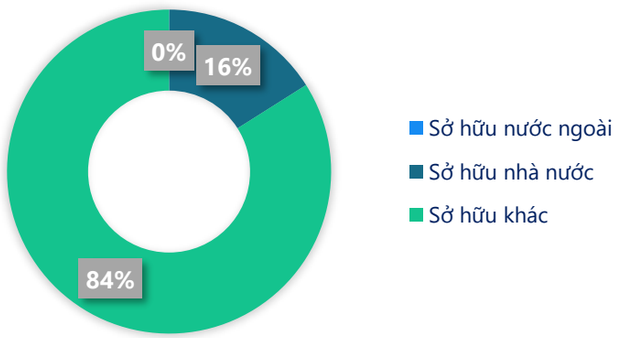
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



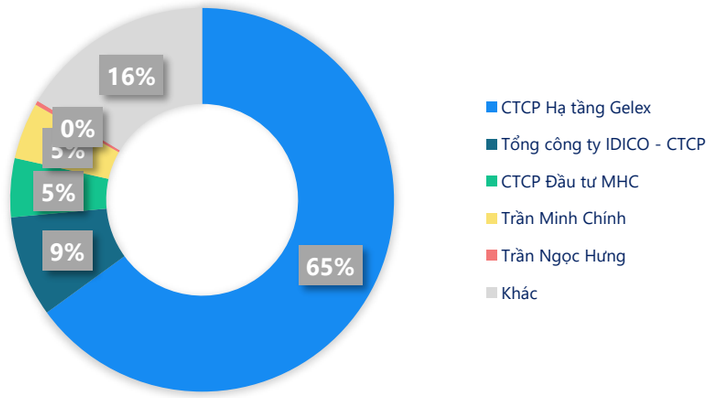
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



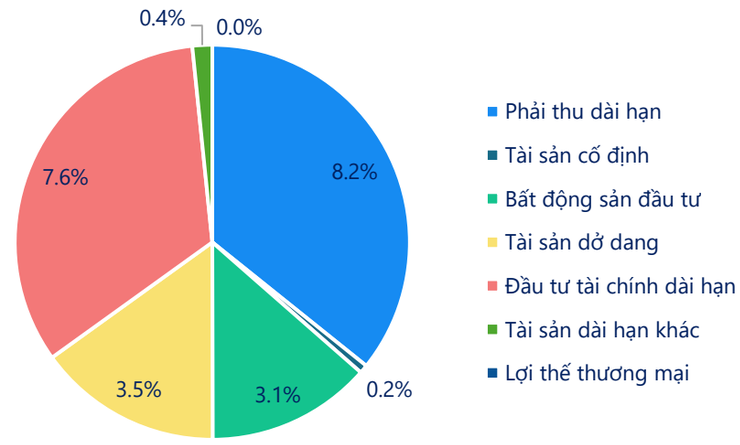
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

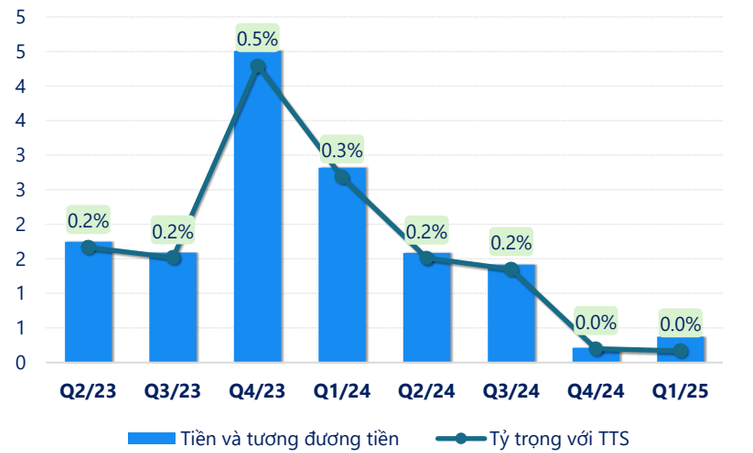


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

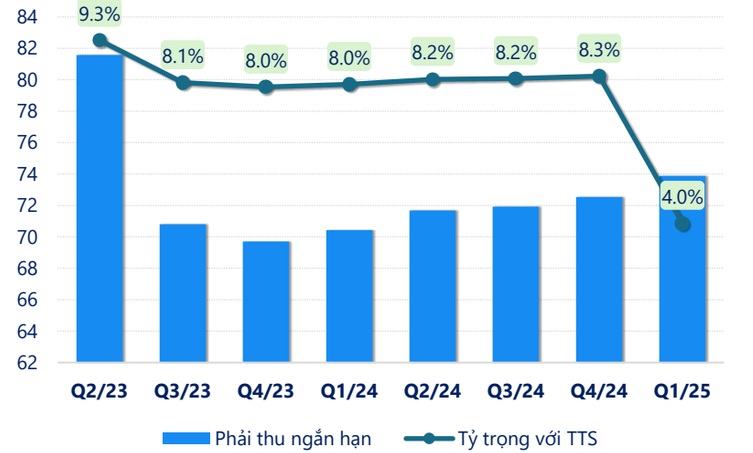
CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

Tiền và tương đương tiền



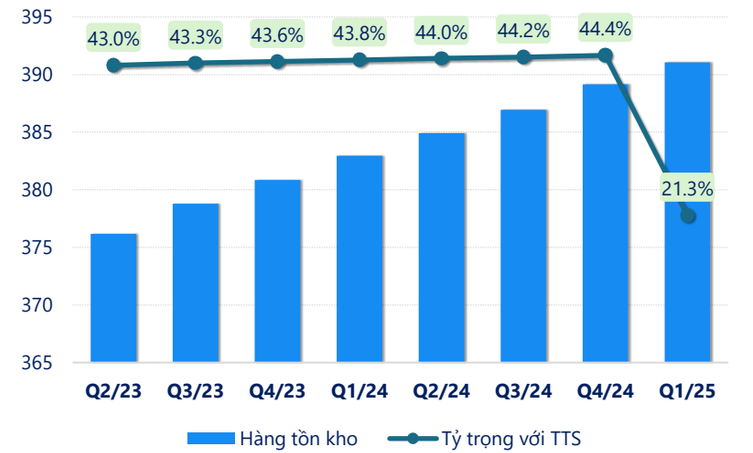
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



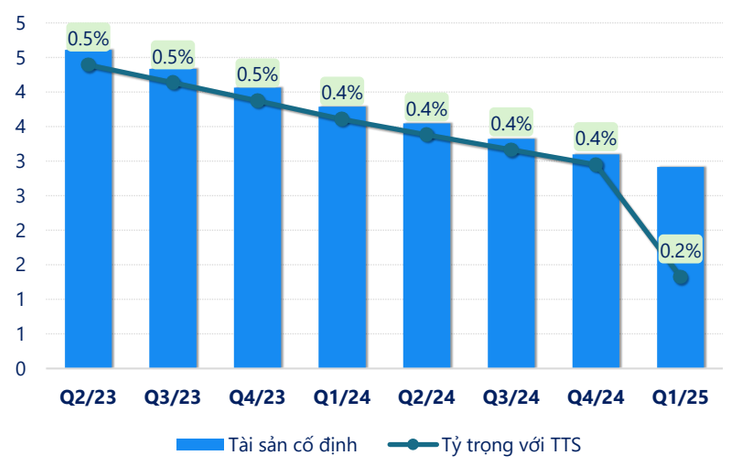
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



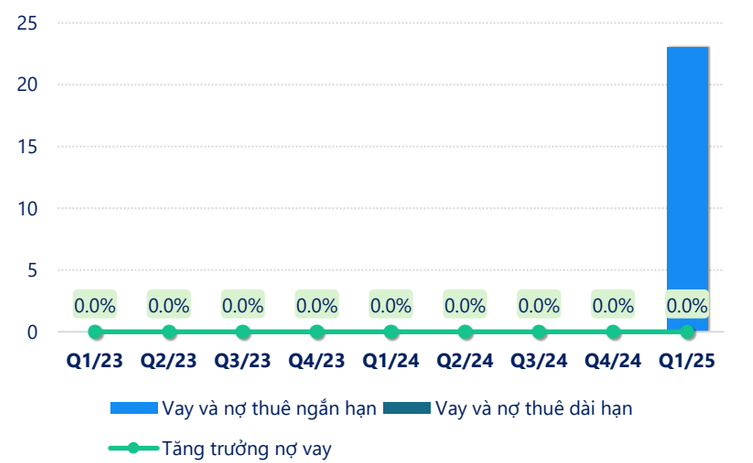
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



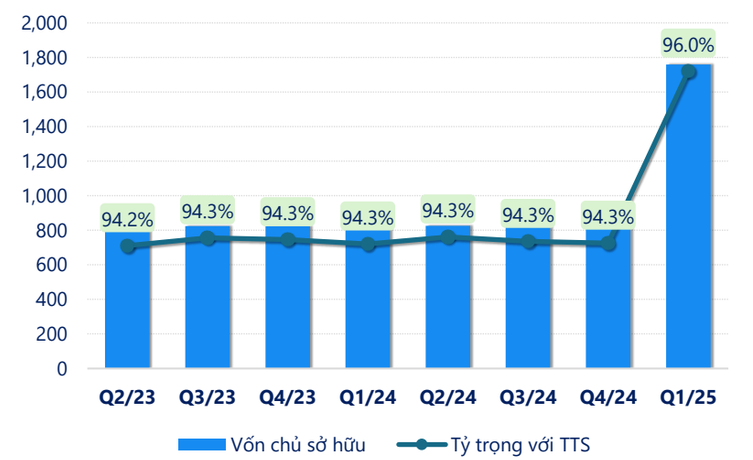
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

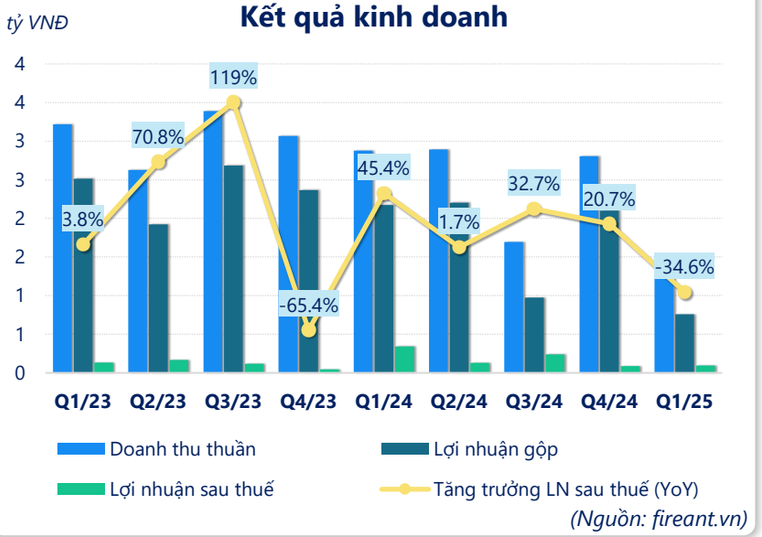


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

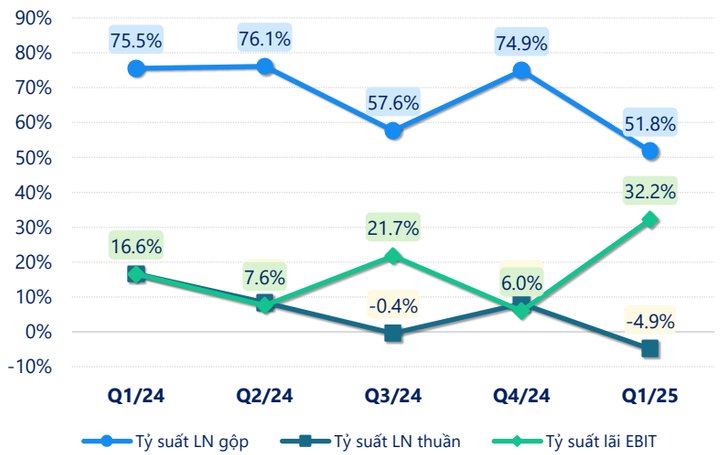
CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

Kết quả kinh doanh



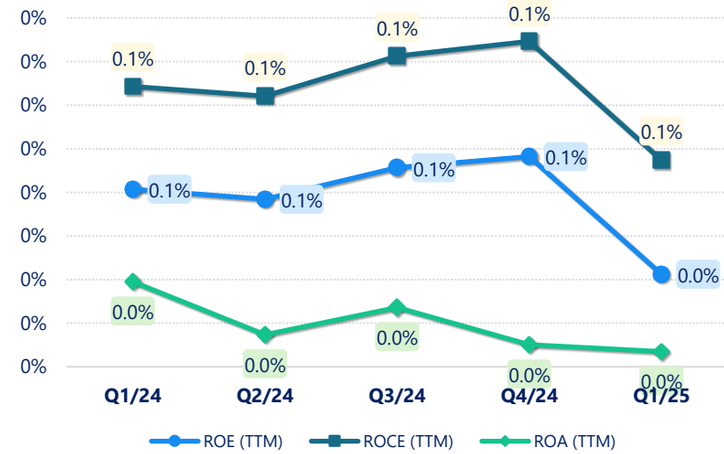
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



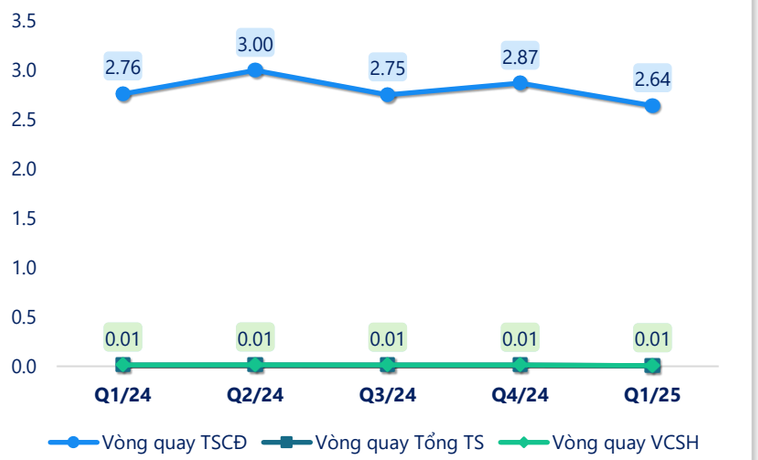
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



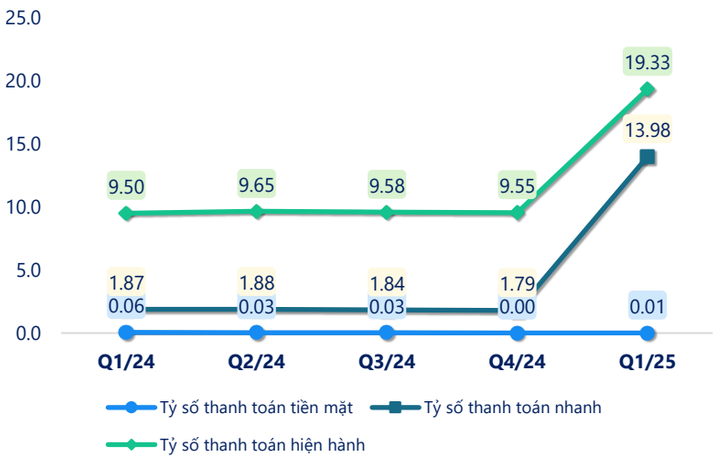
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



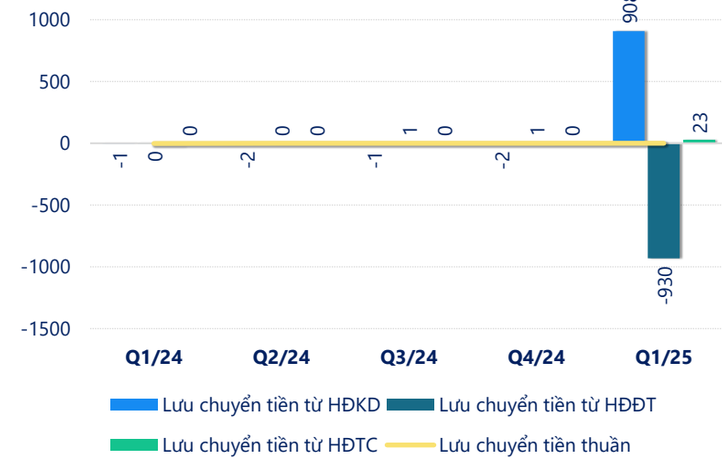
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,833**	**875**	**109%**
Tài sản ngắn hạn	1,413	479	195%
Tiền và tương đương tiền	0.37	0.21	74.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	935	4.54	20490%
Phải thu ngắn hạn	73.9	72.3	2.2%
Hàng tồn kho	391	389	0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	12.6	0.1%
Tài sản dài hạn	**420**	**397**	**5.9%**
Phải thu dài hạn	150	127	18.1%
Tài sản cố định	2.92	3.10	-5.9%
Bất động sản đầu tư	56.8	57.5	-1.2%
Tài sản dở dang	63.4	61.7	2.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**6.82**	**7.20**	**-5.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	73.1	49.9	46.3%
Nợ ngắn hạn	**73.1**	**49.9**	**46.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.27	0.28	-0.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,760**	**825**	**113%**
Vốn chủ sở hữu	**1,760**	**825**	**113%**
Vốn điều lệ	1,761	827	113%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	2.88	2.89	1.69	2.80	1.46
Giá vốn hàng bán	0.70	0.69	0.72	0.70	0.70
Lợi nhuận gộp	2.17	2.20	0.98	2.10	0.76
Doanh thu HĐTC	2.03	2.01	2.03	2.15	4.41
Chi phí TC	0	1.06	0	0	0.29
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.29
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.02	0.04	0.02	0.19
Chi phí QLDN	3.71	2.89	2.97	4.01	4.76
LN thuần từ HĐKD	0.48	0.24	-0.01	0.23	-0.07
Lợi nhuận khác	0.00	-0.02	0.37	-0.06	0.25
LN trước thuế	0.48	0.22	0.37	0.17	0.18
Lợi nhuận sau thuế	0.34	0.13	0.24	0.09	0.09
LNST của CĐ cty mẹ	0.34	0.13	0.24	0.09	0.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.33	-1.61	-0.82	-1.87	908
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.36	0.38	0.65	0.67	-930
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	23.0
Tiền đầu kỳ	4.51	2.82	1.59	1.41	0.21
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.69**	**-1.23**	**-0.17**	**-1.20**	**0.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.82	1.59	1.41	0.21	0.37

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic